TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 5 năm 2023
V/v: "Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Văn Công Trọn**

2/ Ông **Nguyễn Việt Thắng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Nga Muội** - Thư ký viên, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn – Có mặt*: Anh **Huỳnh Tiến A**, sinh năm 1982.

- *Bị đơn – Vắng mặt*: Chị **Huỳnh Tuyết T**, sinh năm 1982.

Cùng trú: Khóm G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh **Huỳnh Tiến A** trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Huỳnh Tuyết T chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Trong cuộc sống bất đồng ý kiến, dẫn đến vợ chồng cãi nhau, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và hiện nay vợ chồng đã ly thân. Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Huỳnh Chí K, sinh ngày 15/10/2010 (giới tính: Nam) và Huỳnh Đan A1, sinh ngày 19/5/2012 (giới tính: Nữ). Hiện cháu K do nguyên đơn nuôi dưỡng, còn cháu Đan A1 do chị T nuôi dưỡng, nhưng không biết hiện nay chị T và cháu Đan A1 sinh sống ở đâu nên không thể dẫn cháu Đan A1 đến Tòa án để ghi nhận ý kiến của Đan A1.

Tuy nhiên khi ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu K, còn cháu Đan A1 đồng ý giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và không đặt ra việc phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị **Huỳnh Tuyết T**: Khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt, niêm yết đúng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Vụ án, được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do bị đơn vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của cháu Huỳnh Đan A1, do hiện nay cháu Đan A1 sinh sống với chị T và không có mặt ở địa phương. Đối với cháu K thì có nguyện vọng được sống chung với anh Tiến A.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, nguyên đơn có mặt và bảo lưu ý kiến như tại đơn khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**:

Về sự vắng mặt của đương sự: Do, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cần xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

Về quan hệ pháp luật: Được xác định là "Tranh chấp về Ly hôn", đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại Huyện T, nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] **Về nội dung**:

Về hôn nhân: Anh Tiến A và chị T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau nên về mặt hôn nhân được xem là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống, anh Tiến A và chị T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không quan tâm chăm sóc đến nhau, nên anh Tiến A mới nộp đơn ly hôn với chị T. Đối với chị T vắng mặt, không tham gia tố tụng và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến gì trước yêu cầu ly hôn của anh Tiến A. Cho thấy, bị đơn đã không quan tâm đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình với nguyên đơn. Tại phiên tòa, anh Tiến A kiên quyết ly hôn với chị T.

Theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và có nghĩa vụ chung sống với nhau.

Xét, mâu thuẫn giữa anh Tiến A và chị T đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn là phù hợp với Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Anh Tiến A và chị T có 02 người con chung tên Huỳnh Chí K, sinh ngày 15/10/2010 (giới tính: Nam) và Huỳnh Đan A1, sinh ngày 19/5/2012 (giới tính: Nữ). Khi ly hôn, anh Tiến A yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu K, còn cháu Đan A1 đồng ý giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với chị T vắng mặt, không tham gia tố tụng và không có văn bản thể hiện ý kiến gì, nên không có cơ sở xem xét. Tại Biên bản ghi nhận ý kiến của cháu K ngày 31/5/2023 thì cháu K có nguyện vọng được sống chung với anh Tiến A. Đối cháu Đan A1, thì theo anh Tiến A xác định hiện cháu Đan A1 do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, nhưng hiện nay cháu Đan A1 và chị T không có mặt ở địa phương. Tính đến ngày xét xử sở thẩm ngày 31/5/2023, thì cháu Đan A1 trên 07 tuổi và dưới 18 tuổi, thì theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, phải xem xét nguyện vọng của cháu Đan A1 có nguyện vọng sinh sống với ai và hiện nay cháu Đan A1 không có mặt ở địa phương, dẫn đến Tòa án không ghi nhận được ý kiến của cháu Đan A1. Nhưng anh Tiến A đồng ý giao cháu Đan A1 cho chị T được quyền nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử xét vì lợi ích của con chung, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, nên cần tiếp tục giao cháu Đan A1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu K cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng, tài sản, nợ: Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[3] **Về án phí**: Buộc anh Tiến A phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, đối trừ số tiền 300.000 đồng dự nộp tại biên lai 6245 ngày 27/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (nguyên đơn nộp xong).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Các điều 147, 227, 228, 235, 273, 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 19, 51, 56, 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Tiến A.

1/ Về hôn nhân: Cho anh Huỳnh Tiến A được ly hôn với chị Huỳnh Tuyết T.

2/ Về con chung: Giao cháu Huỳnh Chí K, sinh ngày 15/10/2010 (giới tính: Nam) cho anh Huỳnh Tiến A và giao cháu Huỳnh Đan A1, sinh ngày 19/5/2012 (giới tính: Nữ) cho chị Huỳnh Tuyết T, được quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

"Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp, bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật".

3/ Về cấp dưỡng, tài sản, nợ: Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

4/ Về án phí: Buộc anh Huỳnh Tiến A phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), đối trừ số tiền 300.000 đồng dự nộp tại biên lai 6245 ngày 27/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (nguyên đơn nộp xong).

5/ Về quyền kháng cáo:

Anh Huỳnh Tiến A được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Huỳnh Tuyết T được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6/ Về nghĩa vụ thi hành án: "Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

Lâm Thành Quang